

Số: 76/2022/QĐST-HNGĐ

Giồng Trôm, ngày 06 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 101/2022/TLST-VDS ngày 25/8/2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 242, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên hệ: Khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Chị Lê Thị Yến N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 751, ấp 4, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Yến N tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/6/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, anh chị đã sống ly thân và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Yến N có 01 con chung là Nguyễn Thái Gia B, sinh ngày 26/5/2012 hiện đang sống với chị N. Quá trình nuôi dưỡng, chị N vẫn đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng con. Mặt khác, anh C và chị N thỏa thuận sau khi anh chị ly hôn, chị N sẽ tiếp tục nuôi con chung, sự thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp

nuôi con ...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao cháu Nguyễn Thái Gia B cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nhưng anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của anh C nên cần ghi nhận.

[4] Về quyền thăm nom con: Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Yến N trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do anh chị thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Yến N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị Yến N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thái Gia B, sinh ngày 26/5/2012, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Yến N khai không có tài sản chung và nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án:

+ Anh Nguyễn Văn C phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009100 ngày 25/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ lệ phí.

+ Chị Lê Thị Yên N phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009101 ngày 25/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị Lê Thị Yên N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Nguyễn Yến Phương